

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐST

Ngày: 22-3-2019

*“V/v xin ly hôn
và tranh chấp con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Minh Ngọc;

Ông Trần Thanh Thủy;

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về *“Tranh chấp ly hôn và con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1972; Có mặt

Bị đơn: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1973; Có mặt

Cùng trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà Hồ Thị T và ông Đinh Văn H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15 tháng 02 năm 2012 số 16/2012 quyền số 01/2012. Vợ chồng bà T và ông H chung sống có 02 con chung tên là Đinh Vạn P, sinh ngày 23/01/1996 và Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông H đánh đập bà T, không có trách nhiệm gia đình, không phụ giúp bà T nuôi con, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm nay, không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù bà T đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Đến thời điểm hiện nay, bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án

giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: bà T và ông H có 02 con chung tên là Đinh Vạn P, sinh ngày 23/01/1996 và Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003. Đối với con chung Đinh Vạn P, sinh ngày 23/01/1996 đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003, khi ly hôn bà T đề nghị giao cháu K cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Bị đơn: Ông H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản triệu tập ông H đến tham gia giải quyết vụ án nhưng ông H không đến tham gia; tuy nhiên ông H có bản khai không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ông yêu cầu đoàn tụ nếu bà T không đồng ý đoàn tụ, quyết ly hôn ông chấp nhận ly hôn, ông H đề nghị được nuôi con chung. Ông H xác định những ý kiến bà T trình bày về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện và con chung là đúng.

Về con chung: Ông H xác định ông và bà T chung sống với nhau có 02 con chung tên là Đinh Vạn P, sinh ngày 23/01/1996 và Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông H đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu bà T đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà T có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao con chung Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003 cho ông H nuôi dưỡng; do bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không đề cập xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông H, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại kết quả xác minh của Công an xã Tam Quang thì ông H có đăng ký thường trú tại

thôn T, xã Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã Tam Quang, huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2012 quyền số 01/2012 vào ngày 15/02/2012. Vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống mà không thể giải quyết được, ông H không quan tâm đến gia đình, con cái, tình cảm của hai vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Bà T xin ly hôn với ông H vì mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Tại phiên tòa hôm nay, ông H không đồng ý ly hôn nhưng bà T quyết định ly hôn ông chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận định: tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung:* Đối với con chung Đinh Vạn P, sinh ngày 23/01/1996 đã trưởng thành và lập gia đình riêng, vì vậy không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; đối với con chung Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003, bà T đề nghị giao cháu K cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đề nghị của bà T và nguyện vọng cháu K được ở với ông H, ông H có thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu K, xét thấy cần thiết giao con chung Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[4] *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đinh Phúc K, sinh ngày 05/8/2003 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở bà T thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004029 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRƯƠNG VĂN BIỂU

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Hc**

Bản án số: /2019/HNGĐST

Ngày: 22-3-2019

*“V/v xin ly hôn
và tranh chấp con chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Minh Ngọc;

Ông Trần Thanh Thủy;

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kiều Hoanh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị T Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1972; Có mặt

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1973; Có mặt

Cùng trú tại: Thôn An Hải Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15 tháng 02 năm 2012 số 16/2012 quyền số 01/2012. Vợ chồng bà T và ông H chung sống có 02 con chung tên là Đinh Vạn Phát, sinh ngày 23/01/1996 và Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông H đánh đập bà T, không có trách nhiệm gia đình, không phụ giúp bà T nuôi con, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm nay, không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù bà T đã cố gắng khuyên nhủ ông H nhưng ông H vẫn không thay đổi. Đến thời điểm hiện nay, bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: bà T và ông H có 02 con chung tên là Đinh Vạn Phát, sinh ngày 23/01/1996 và Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003. Đối với con chung Đinh Vạn Phát, sinh ngày 23/01/1996 đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003, khi ly hôn bà T đề nghị giao cháu Khánh cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Bị đơn: Ông H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản triệu tập ông H đến tham gia giải quyết vụ án nhưng ông H không đến tham gia; tuy nhiên ông H có bản khai không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ông yêu cầu đoàn tụ nếu bà T không đồng ý đoàn tụ, quyết ly hôn ông chấp nhận ly hôn, ông H đề nghị được nuôi con chung. Ông H xác định những ý

kiến bà T trình bày về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện và con chung là đúng.

Về con chung: Ông H xác định ông và bà T chung sống với nhau có 02 con chung tên là Đinh Vạn Phát, sinh ngày 23/01/1996 và Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông H đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu bà T đóng góp phần tử nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà T có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao con chung Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003 cho ông H nuôi dưỡng; do bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không đề cập xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông H, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại kết quả xác minh của Công an xã Tam Quang thì ông H có đăng ký thường trú tại thôn An Hải Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã Tam Quang, huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2012 quyền số 01/2012 vào ngày 15/02/2012. Vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống mà không thể giải quyết được, ông H không quan tâm đến gia đình, con cái, tình cảm của hai vợ chồng

không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Bà T xin ly hôn với ông H vì mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu Tẩn kéo dài không hàn gắn được. Tại phiên tòa hôm nay, ông H không đồng ý ly hôn nhưng bà T quyết định ly hôn ông chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận định: tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung: Đối với con chung Đinh Vạn Phát, sinh ngày 23/01/1996 đã trưởng thành và lập gia đình riêng, vì vậy không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; đối với con chung Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003, bà T đề nghị giao cháu Khánh cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của bà T và nguyện vọng cháu Khánh được ở với ông H, ông H có T nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Khánh, xét thấy cần thiết giao con chung Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đinh Phúc Khánh, sinh ngày 05/8/2003 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở bà T thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004029 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Biểu